**LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN**

**TÌM HIỂU KHÁI NIỆM**

**- Liên kết hình thức và liên kết nội dung**

Mối quan hệ giữa *liên kết hình thức* và *liên kết nội dung*được bình luận như sau : “Giữa hai mặt liên kết nội dung và liên kết hình thức có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ : Liên kết nội dung được thể hiện bằng hệ thống các phương thức liên kết hình thức, và liên kết hình thức chủ yếu dùng để diễn đạt sự liên kết nội dung”

(Trần Ngọc Thêm).

**1. Liên kết hình thức**

*Liên kết hình thức* là “hệ thống các phương thức liên kết hình thức”, và những cái được liên kết với nhau trong văn bản là các câu (phát ngôn). Cách phân loại các phát ngôn trong văn bản có liên quan đến nhiệm vụ mô tả liên kết hình thức, vì vậy mà trở nên cần thiết. Phương diện liên quan trực tiếp đến liên kết hình thức giữa câu với câu là phương diện nghĩa, về phương diện này, các câu được phân loại thành câu tự nghĩa và câu hợp nghĩa, ngữ ữực thuộc (hay là câu dưới bậc).

a) Câu tư nghĩa là câu hoàn chỉnh về nội dung và đầy đủ về câu ữúc câu, vì vậy nó mang tính độc lập lớn nhất : nó đứng một mình vẫn có thể hiểu được. Ví dụ :

*Giáp đã làm xong bài tập toán.*

b) Câu hợp nghĩa tuy vẫn đầy đủ về cấu trúc câu nhưng không hoàn chỉnh về nôi dung, vì vậy nó không mang tính độc lập về mặt nghĩa. Ví dụ :

*Nó đã làm xong những bài tập ấy.*

Nó là ai ? Bài tập ấy là bài tập gì ?

c) Ngữ trực thuộc không hoàn chỉnh về nội dung và không đầy đủ về cấu trúc, vì vậy nó không độc lập cả ở hai phương diện nội dung và cấu trúc câu. Ví dụ (câu in đậm) :

*Huấn đi về trạm máy.* ***Một mình, trong đêm.***

                                                          (Nguyễn Thị Ngọc Tú)

**2. Liên kết nội dung**

Liên kết nội dung sẽ được nhận biết rõ hơn thông qua việc xem xét hai bình diện của nó : *liên kết chủ đề và liên kết lôgic.*

a) Liên kết chủ đề

Trước hết cần chú giải rằng thuật ngữ chủ đề ở liên kết chủ đề được hiểu như đề tài; vật, việc được nói đến. Và như vậy có thể hình dung liên kết chủ đề là sợi dây kết nối hợp lí giữa những vật, việc được nói đến trong các câu có liên kết với nhau. Có thể thực hiện việc vừa nêu theo hai cách :

- Duy trì chủ đề, hiểu một cách giản đơn là nhắc lại cùng một vật, một việc nào đó trong các câu có liên kết với nhau.

- Triển khai chủ đề, là cùng với một (hoặc vài) chủ đề đã cho, đưa thêm vào một hoặc những chủ đề (vật, việc) khác nữa có liên quan với chủ đề ban đầu, theo tiêu chuẩn cần và đủ của lôgic để bảo  đảm cho các câu chứa chúng liên kết được với nhau.

Ví dụ về duy trì chủ đề :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - | *Con cóc trong hang.**Con cóc nhảy ra.**Con cóc ngồi đấy.**Con cóc nhảy đi.*                    (Thơ con cóc) |   |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - | Con kiến mà leo cành đaLeo phải cành cộc leo ra leo vào.Con kiến mà leo cành đàoLeo phải cành cộc leo vào leo ra.                                             (Ca dao) |   |

*- [...] Nhưng ông cửu không đi nhìn con gái làng. Ông đứng chỗ này một lát, đứng chỗ kia một lát Rồi ông đến chỗ hai bàn làm cỗ và đứng xem. Ông xem, rồi bàn tán, rồi chia cỗ hộ. Ông nhấc cỗ trên bù cỗ dưới, vặt đống nọ, bỏ đống kia [...].*

(Nam Cao)

b) Liên kết lôgíc

Nếu ở liên kết chủ đề, sự chú ý tập trung vào vật, việc được nói đến, thì ở liên kết lôgíc, cái được chú ý trước hết là phần nêu đặc trưng của vật, việc được\* nói đến đó. Có thể xem xét liên kết lôgíc ở hai phạm vi rộng hẹp khác nhau :

- Bên trong một câu ;

- Giữa câu với câu (hoặc rộng hơn nữa : giữa cụm câu này với cụm câu khác, giữa phần này của văn bản với phần kia của văn bản).

Như vậy có thể hiểu liên kết lôgíc là sợi dây nối kết hợp lí giữa vật, việc với đặc trưng của chúng trong một câu và giữa đặc trưng này với đặc trưng kia trong những câu liên kết với nhau.

Ví dụ về liên kết lôgíc giữa vật với đặc trưng của nó trong một câu; đối chiếu :

*Chó sủa. (a)*

*\* Cá sủa. (a’)*

Ở câu (a), vật chó có nhiều năng lực tiềm tàng, trong số đó có năng lực “sủa”, và trong trường hợp này năng lực “sủa” của chó được dùng để nêu đặc trưng (hành động) của nó. Còn ở (a’), vật cá cũng có nhiều năng lực tiềm tàng, tuy nhiên không có năng lực “sủa” ; vì vậy dùng năng lực “sủa” để nêu đặc trưng của cá là không hợp lí, không chấp nhận được (dấu \* chỉ ra rằng câu này không thể có được). Cũng cần lưu ý rằng trong một số cách dùng chuyển nghĩa, người ta có thể gán đặc trưng riêng của vật này cho vật khác vốn không có đặc trưng ấy. Sư gán ghép như vậy phải có cơ sở hợp lí và (do đó) có thể chấp nhận được.

Cũng sẽ là không có liên kết lôgíc khi vật vốn đã mang sẵn một đặc trưng nào đó, nhưng lại sử dụng một đặc trưng khác mâu thuẫn, không dung hợp được với đặc trưng vốn có đó để mô tả (nêu đặc trưng) vật đó mà không có căn cứ để hiểu được việc làm như vậy. Ví dụ có tính chất kinh điển cho trường hợp này là :

*Cái bàn tròn này* ***vuông.***

Ví dụ về liên kết lôgíc giữa phần nêu đặc trưng ở câu này với phần nêu đặc trưng ở câu kia :

*Giáp và Ất là hai vận động viên. Giáp năng* ***75 ki-lô-gam****, còn Át* ***chăn nuôi gà.***

Câu thứ hai gồm có hai vế (mỗi vế có dạng một mệnh đề), phần nêu đặc trưng ở vế thứ nhất dung hợp được với phần nêu đặc trưng ở câu thứ nhất, còn phần nêu đặc trưng ở vế thứ hai lại không dung hợp được với phần nêu đặc trưng ở câu thứ nhất. Loại lỗi này không bộc lộ trong bản thân mệnh đề chứa nó, nó chỉ bộc lộ trong mối quan hệ với mệnh đề khác nằm ngoài nó. Chính vì vậy, loại lỗi này góp phần vào việc làm mất liên kết nội dung giữa câu với câu.

( Theo Diệp Quang Ban, Văn bản và liên kết trong tiếng Việt,

NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)